TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/DSPT
Ngày: 14/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;
Ông Ngô Quang Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án dân sự thụ lý số 69/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 2 năm 2023 do có kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1823/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Chống H, S năm 1955; địa chỉ: Thôn KB, xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Gia H S năm 1964; địa chỉ: Khu PQ, thị trấn LB, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Văn C - Luật sư của Văn phòng Luật sư Chính pháp thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Dương Chống C, S năm 1973; địa chỉ: Thôn KB, xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lương Văn T; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Công T- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Triệu Thị M (tên gọi khác: Triệu Nhì M; Triệu Thị X), S năm 1964; vắng mặt.

2. Ông Dương Kim T2, S năm 1967; vắng mặt.

3. Ông Dương Kim S, S năm 1968; vắng mặt.

4. Ông Dương Kim Q, S năm 1975; vắng mặt.

5. Ông Dương Kim P, S năm 1975; vắng mặt.

6. Ông Dương Kim L, S năm 1982; vắng mặt.

7. Bà Triệu Tài M, S năm 1981; vắng mặt.

8. Anh Dương Phúc L, S năm 2002; vắng mặt.

9. Chị Dương Thị M, S năm 2005; vắng mặt.

10. Anh Dương Phúc T, S năm 2007; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn KB, xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn.

11. Chị Dương Thị T, S năm 2000; địa chỉ: Thôn Nà Xỏm, xã Lợi Bác, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Bà Trương Thị H, S năm 1969; địa chỉ: Thôn KB, xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H: Ông Đinh Công T- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

13. Anh Dương Kim C (Dương Chống C), S năm 1992; vắng mặt.

14. Anh Dương Kim N, S năm 2001; vắng mặt.

15. Chị Đặng Thị M, S năm 1991; vắng mặt.

16. Ông Dương Chống L, S năm 1981; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn KB, xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Chống Lầm: Bà Lương Thị Hương L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

17. Chị Dương Thị H, S năm 1996; địa chỉ: Thôn NX, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

18. Chị Dương Thị P, S năm 1998; địa chỉ: Thôn PP, xã BX, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

19. Ủy ban nhân dân xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền ông Nông Văn H- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền số 36/GUQ-UBND, ngày 28/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

20. Ủy ban nhân dân huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Chiến H- Trưởng Phòng tài nguyên và Môi trường huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, lời trình bày tại Tòa án, nguyên đơn ông Dương Chống H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2003 gia đình ông Dương Chống H trồng khoảng 2000 cây Thông trên thửa đất tại địa danh Kéo Pha Choong thuộc thôn KB, xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn, trồng trên diện tích bao nhiêu thì ông Dương Chống H không nắm được, đến năm 2008 tiếp tục trồng thêm 2500 cây Thông và đến năm 2020 trồng thêm 150 cây Hồi. Toàn bộ diện tích gia đình ông Dương Chống H đã trồng Thông và trồng Hồi rộng khoảng 3,5ha. Đến năm 2021 thì ông Dương Chống C cho rằng toàn bộ diện tích đất mà ông Dương Chống H đã trồng cây ở trên là đất của ông Dương Chống C nên đã làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Quá trình giải quyết tại xã KMông Dương Chống H được biết phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 602, tờ bản đồ Lâm nghiệp năm 2006 và thửa đất này Ủy ban nhân dân huyện ĐL đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dương Chống C, bà Trương Thị H. Vì vậy, ông Dương Chống H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đang tranh chấp khoảng 3,5ha; yêu cầu công nhận quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm 5000 cây Thông và 150 cây Hồi trên đất tranh chấp. Yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Dương Chống C, bà Trương Thị H đối với phần diện tích đang tranh chấp.

Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất tranh chấp là 32.226,0m^2 nên ông Dương Chống H yêu cầu khởi kiện được quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp theo kết quả xem xét thẩm định là 32.226,0m^2; yêu cầu công nhận quyền sở hữu đối với toàn bộ tài sản trên đất là cây Thông và cây Hồi theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ; yêu cầu gia đình ông Dương Chống C phải chấm dứt hành vi tranh chấp và yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Chống C, bà Trương Thị H đối với phần diện tích đang tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 03/10/2022 và tại phiên tòa, ông Dương Chống H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất tranh chấp là 2004,0 m^2 thuộc thửa tạm số 40.3 trên mảnh trích đo, toàn bộ tài sản trên diện tích đất này ông Dương Chống H sẽ tự di dời sang chỗ khác trồng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng cùng với bên nguyên đơn nhất trí với ý kiến trình bày của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn ông Dương Chống C trình bày: Diện tích đất hiện nay đang tranh chấp với ông Dương Chống H có nguồn gốc là của ông Dương Dì S (bố của Dương Chống C) được Nhà nước giao Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ bìa xanh) năm 1995. Sau đó ông Dương Dì S chia đất cho 03 anh em trai trong đó có phần của ông Dương Chống C, việc bố mẹ chia đất cho 03 anh em từ thời gian nào ông Dương Chống C không nhớ chỉ biết phần diện tích đất ông Dương Chống C được chia hơn 06 ha, diện tích đất này hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Dương Chống C và Trương Thị H. Sau khi được chia đất do chưa có điều kiện nên gia đình ông Dương Chống C mới trồng được khoảng 2000 cây Thông, trồng trên diện tích bao nhiêu thì không biết. Ông trồng Thông từ thời điểm nào cũng không rõ, chỉ biết là số cây Thông đó hiện nay đã trưởng thành và gia đình đã khai thác nhựa Thông được khoảng 7 năm nay. Từ khi ông Dương Dì S được cấp số bìa xanh và chia đất cho ông Dương Chống C thì ông đã quản lý, sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Đến đầu năm 2021 thì ông Dương Chống C mới phát hiện ông Dương Chống H đã trồng cây lên đất của ông nên ông Dương Chống C đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã KM xem xét, giải quyết thì hai bên xảy ra tranh chấp. Diện tích đất tranh chấp là hơn 03 ha, trên đất tranh chấp có các cây Thông và các cây Hồi do ông Dương Chống H trồng, còn có cụ thể bao nhiêu cây Hồi, bao nhiêu cây Thông ông Dương Chống C cũng không biết. Đối với số cây Thông ông Dương Chống H cho rằng trồng trên một phần diện tích đất tranh chấp từ năm 2003, một phần trồng từ năm 2007 là không đúng, theo ông Dương Chống C thì cây Thông ông Dương Chống H trồng vào năm 2004 và năm 2008. Ông Dương Chống C thừa nhận trong diện tích đất tranh chấp có một phần diện tích đất ông Dương Dì S đã chia cho ông Dương Chống L (em trai ông Dương Chống C) quản lý, sử dụng, phần diện tích đất này hiện nay ông Dương Chống H đã trồng Hồi vào từ năm 2020. Ông Dương Chống C không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Dương Chống H. Ông Dương Chống C yêu cầu ông Dương Chống H khai thác hết các cây Thông trồng trên đất tranh chấp để trả lại đất cho ông Dương Chống C. Đối với cây Hồi thì ông yêu cầu ông Dương Chống H di dời toàn bộ đi nơi khác để trả lại đất cho ông quản lý, sử dụng. Ông Dương Chống C yêu cầu được quản lý, sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước đã cấp cho vợ chồng ông.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng cùng với bên bị đơn nhất trí với ý kiến trình bày của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Chống L trình bày: Trong diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Dương Chống H và ông Dương Chống C có một phần diện tích đất mà trước đây ông Dương Dì S (bố của ông Dương Chống L) đã chia cho ông Dương Chống L quản lý, sử dụng. Phần diện tích này trước đây đã được nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ bìa xanh) cho ông Dương Dì S và giáp với ruộng của ông Dương

Chống L. Theo kết quả xem xét thẩm định thì phần đất này có diện tích là 2.004,0m^2 và hiện nay ông Dương Chống H đã trồng 28 cây Hồi trên đó. Nay ông Dương Chống H đã rút yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất này và tự di dời các cây Hồi đi nơi khác trồng. Ông Dương Chống Lnhất trí với việc rút yêu cầu này của ông Dương Chống H.

Ủy ban nhân dân huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 602, tờ bản đồ lâm nghiệp năm 2006 cho ông Dương Chống C là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, để có căn cứ giải quyết vụ án đề nghị Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, kiểm tra việc sử dụng đất và các tài sản trên đất của các hộ gia đình có liên quan; đồng thời thẩm tra về nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất, ranh giới thửa đất của các hộ gia đình có tranh chấp để giải quyết vụ việc.

Ủy ban nhân dân xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp các thửa đất 49.1, 40.2 và 40.3 tờ bản đồ số 06 thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ lâm nghiệp số 06 được quy chủ tên Ủy ban nhân dân xã KM. Theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10000 khu đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân nào. Đối chiếu bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 2006 các thửa đất 49.1, 40.2 và 40.3 chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào. Đối chiếu với bản đồ giao đất, giao rừng năm 1995 thì các thửa đất 49.1, 40.2 và 40.3 thuộc một phần lô đất số 370 giao cho hộ ông Dương Dì S.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: Diện tích đất tranh chấp do nguyên đơn, bị đơn tự cắm mốc xác định và qua đo đạc tại thực địa có tổng diện tích là 32.262,0 m^2, thuộc một phần thửa đất số 40 và một phần thửa đất số 49, tờ bản đồ số 06 xã KM. Vị trí đất tranh chấp có địa danh là Kéo Pha Choong, thuộc thôn KB, xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn được thể hiện trên mảnh trích đo của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn, có vị trí đỉnh thửa là A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12 và các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất ông Dương Chống C;

- Phía Đông Bắc giáp khe suối và giáp đất ông Dương Chống C;

- Phía Tây giáp đất ông Dương Chống C;

- Phía Nam giáp đất ông Dương Chống C, giáp khe suối và giáp đất ông Dương Chống H.

Trên diện tích đất tranh chấp được chia thành nhiều phần diện tích trồng Hồi và trồng Thông vào các thời gian khác nhau và do người quản lý, sử dụng đất khác nhau, cụ thể:

- Đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 49, tờ bản đồ số 06 xã KM: Diện tích là 67,0 m^2, có vị trí đỉnh thửa là A3, A4, A5.

- Đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 06 xã KM do ông Dương Chống H trồng Thông năm 2003: Diện tích là 9.971 m^2, có vị trí đỉnh thửa là M, N, A3, A5.

- Đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 06 xã KM do ông Dương Chống H trồng Thông năm 2007: Diện tích là 17.089 m^2, có vị trí đỉnh thửa là A1, A2, N, M, A6, A7, A12.

- Đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 06 xã KM do ông Dương Chống H trồng Hồi năm 2020: Diện tích là 3.131 m^2, có vị trí đỉnh thửa là A7, A8, A11, A12.

- Đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 06 xã KM do ông Dương Chống H trồng Hồi năm 2020: Diện tích là 2.004 m^2, có vị trí đỉnh thửa là A8, A9, A10, A11.

Kết quả định giá xác định: Diện tích đất tranh chấp là đất trồng rừng sản xuất, thuộc khu vực III, có giá (bao gồm giá nhà nước và giá thị trường) là 5.000 đồng/m^2 (32.262m^2 x 5.000đồng = 161.310.000 đồng).

Về tài sản trên đất: Gồm các cây Thông và cây Hồi. Tổng giá trị cây là 293.524.000 đồng

Ngày 10/10/2022, ông Dương Chống H có đơn đề nghị giám định bản đồ qua các thời kỳ đối với diện tích đất đang tranh chấp.

Ngày 12/10/2022, Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định số 06/QĐ-TCGĐ: Đề nghị giám định phần diện tích đất tranh chấp 32.262,0m^2 thuộc thửa 40 và thửa số 49; tờ bản đồ 06, bản đồ địa chính xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn đối chiếu với các tờ bản đồ qua các thời kỳ của xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 19/10/2022, Giám định viên Nông Trường Nam đã có kết luận giám định như sau: Khu đất tranh chấp 32.262,0m^2 (trong đó có 32195,0m^2 thuộc thửa số 40 và 67,0m^2 thuộc thửa số 49) tại thôn KB, xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn nằm trong lô đất số 370, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1995 xã KM, được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Dương Dì S, theo Quyết định số 283/QĐ-UB, ngày 02/8/1995 của UBND huyện ĐL, đồng thời thuộc vào diện tích của thửa đất số 602, tờ bản đồ hiện trạng rừng của xã KM năm 2006 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE195380, cho ông Dương Chống C và bà Trương Thị H, ngày cấp 23/11/2006, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00145. Ngoài ra, không có tài liệu bản đồ nào khác thể hiện vị trí của khu đất tranh chấp trên.

Qua đối chiếu xác định vị trí tranh chấp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô 602 cấp cho ông Dương Chống C, lô 603 cấp cho ông Dương Chống H và hiện

trạng sử dụng đất theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐL thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô 602 và lô 603 chưa đúng với hiện trạng các bên quản lý, sử dụng, do phần diện tích là 10.038m^2 của gia đình ông Dương Chống H đã trồng cây Thông từ năm 2003.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng kết quả hòa giải đều không thành.

Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ vào Điều 99, 100, 166, 170, 202, 203 của Luật Đất đai; các điều 163, 164, 165, 166, 169, 212, 213, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 5; 34, 38, 48; Điều 134; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 160; Điều 161; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 244; Điều 227, Điều 228; Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Chống H. Ông Dương Chống H, bà Triệu Thị M được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 26.711,0m^2 đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa đất số 40 và thửa 49 đất rừng tự nhiên sản xuất thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 06 xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 40 là 4.069 cây Thông và thửa đất số 49 là 11 cây Thông. Trong đó có 235 cây Thông có đường kính gốc từ 6cm-10cm; 3.723 cây Thông có đường kính gốc từ 11cm-20cm và 122 cây Thông có đường kính gốc từ 21cm-30cm trên diện tích đất nêu trên.

Diện tích 26.711m^2 đất được xác định bởi các đỉnh thửa thể hiện trên phụ lục kèm theo bản án, bao gồm:

- Diện tích 4972,0m^2 đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa 40, vị trí đỉnh thửa A1, P1, P5, C4, C3, A12.

- Diện tích 1686,0m^2 đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa 40, vị trí đỉnh thửa C4, P5, P4, A6, C8.

- Diện tích 446,0m^2 đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa 40, vị trí đỉnh thửa C3, C4, C8, A7.

- Diện tích 14406,0m^2 đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa 40, vị trí đỉnh thửa P2, A2, N, C7, C6, C5, P6.

- Diện tích 3154,0m^2 đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa 40, vị trí đỉnh thửa P6, C5, M, P3.

- Diện tích 1980,0m^2 đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa 40, vị trí đỉnh thửa C7, A3, A5, C6.

- Diện tích 67,0m^2 đất rừng tự nhiên sản xuất thuộc một phần thửa 49, vị trí đỉnh thửa A3, A4, A5.

1.2. Ông Dương Chống H, bà Triệu Thị M có nghĩa vụ thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên và quyền sở hữu về tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

1.3. Buộc ông Dương Chống C, bà Trương Thị H và các thành viên trong hộ gia đình ông Dương Chống C chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với ông Dương Chống H, bà Triệu Thị M.

1.4. Ông Dương Chống C, bà Trương Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 3131,0 m^2 đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa đất số 40 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 06 xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất gồm 102 cây Hồi có đường kính gốc dưới 2cm. Diện tích 3131,0m^2 đất được xác định bởi các đỉnh thửa là A7, A8, C2, A11, A12, C3 thể hiện trên phụ lục kèm theo bản án.

1.5. Ông Dương Chống C, bà Trương Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho hộ ông Dương Chống H giá trị của 102 cây Hồi là 10.200.000 đồng (mười triệu hai trăm nghìn đồng).

1.6. Ông Dương Chống C, bà Trương Thị H có nghĩa vụ thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên và quyền sở hữu về tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

1.7. Ông Dương Chống C, bà Trương Thị H được sử dụng diện tích đất đường đi là 416,0m^2 thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã KM, diện tích đất đường đi được thể hiện trên mảnh trích đo có vị trí đỉnh thửa là P1, P2, P6, P3, P4, P5.

1.8. Buộc ông Dương Chống H, bà Triệu Thị M và các thành viên trong hộ gia đình ông Dương Chống H chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với ông Dương Chống C, bà Trương Thị H.

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với phần diện tích đất 2004,0m^2, thuộc một phần thửa đất số 40 thể hiện trên mảnh trích đo địa chính là thửa 40.3 có vị trí đỉnh thửa là A8, A9, C1, A10, A11, C2, do ông Dương Chống H rút yêu cầu khởi kiện. Ông Dương Chống H phải tự di dời 28 cây Hồi ra khỏi vị trí đất nêu trên.

3. Tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 195380, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00145 do Ủy ban nhân dân huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Dương Chống C, bà Trương Thị H ngày 23/11/2006 thuộc thửa đất 602, tờ bản đồ hiện trạng rừng xã KM, huyện ĐL, tỉnh

Lạng Sơn. Diện tích bị hủy là 19378,0m^2, được thể hiện trên phụ lục kèm theo bản án có vị trí đỉnh thửa là A1, P1, P5, C4, C3, A12 diện tích 4972,0m^2 và vị trí đỉnh thửa P2, A2, N, C7, C6, C5, P6 diện tích 14.406,0m^2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm trong trường hợp chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21/01/2022, bị đơn là ông Dương Chống C có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông Dương Chống H, giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00145 ngày 23/11/2006 của UBND huyện ĐL, Lạng Sơn.

Ngày 25/11/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có quyết định kháng nghị số 79/QĐ-VKS-DS đề nghị hủy bản án sơ thẩm do việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và có sự mâu thuẫn về thửa đất, loại đất.

Tại phiên tòa,

Ông Lương Văn T đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bổ sung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, hủy bản án sơ thẩm vì: Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm về tố tụng: Khi có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Tòa án nhân dân huyện ĐL không chuyển ngay cho Tòa án tỉnh mà vẫn ra thông báo thụ lý; Biên bản xem xét thẩm định được đánh máy từ trước trong khi ý kiến của các đương sự lại viết tay; ông C không biết chữ, không thạo tiếng phổ thông, tai điếc nhưng Tòa án không mời phiên dịch cho ông; Phòng tài nguyên môi trường vừa tham gia thẩm định giá vừa tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ theo đúng trình tự thủ tục, không tổ chức hòa giải. Đồng thời, ông Lương Văn T cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông C và nội dung theo đơn đề nghị của ông đề ngày 12/3/2024, theo đó: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, gia đình ông C đồng ý thanh toán toàn bộ giá trị cây cối của nguyên đơn trên toàn bộ thửa đất tranh chấp (bao gồm thửa 602 và 603).

Ông Đinh Công T- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Dương Dì S, đã được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ bìa xanh) từ năm 1995. UBND huyện ĐL chưa thu hồi sổ bìa xanh đã cấp cho ông Dương Dì S. Từ khi được giao đất đến nay, gia đình sử dụng ổn định. Sau khi ông C được bố cho đất thì tiếp tục sử dụng ổn định và đã được UBND huyện ĐL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông Hẻn trồng cây trên đất là tự ý, khi phát hiện ông C đã có ý kiến và khiếu nại với UBND xã. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hẻn là không đúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông C, bác yêu cầu khởi kiện của ông Hẻn.

Ông Phạm Gia H- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông Đặng Văn C - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Những căn cứ phía bị đơn nêu ra để cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và đề nghị hủy án sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót, nhầm lẫn trong việc xác định số hiệu thửa đất, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã xác minh bổ sung và thể hiện rõ: Vị trí, diện tích thửa đất đang tranh chấp là đúng, Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô – Chi nhánh Lạng Sơn cũng đã có công văn xác định rõ thửa đất đang tranh chấp là thuộc thửa 37 tờ bản đồ lâm nghiệp số 06. Do đó, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Chống L: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung: Giữa kết quả thẩm định, bản đồ của Công ty Sông Tô mâu thuẫn với công văn số 48 của UBND xã. Theo kết quả xác minh của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn thì thửa đất tranh chấp thuộc thửa số 37 tờ bản đồ lâm nghiệp số 06, tại bản án sơ thẩm có sự mâu thuẫn về thửa đất, loại đất. Tại mục 3 công văn số 751/CNVPĐKĐĐ ngày 15/12/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐL xác định khu đất tranh chấp chưa được cấp cho ai, điều này mâu thuẫn với mục 2 tại chính công văn này. Xét thấy, mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh bổ sung nhưng vẫn chưa đầy đủ, tại phiên tòa hôm nay chưa làm rõ được những vấn đề nêu trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Kháng cáo của bị đơn là ông Dương Chống C, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn trong hạn luật định; ông C được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về xác định tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đủ những người tham gia tố tụng.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

***** Về nội dung:

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn về thông tin thửa đất số 40, thửa đất số 49 thể hiện trên mảnh trích đo kèm theo bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thể hiện: "*Diện tích đất tranh chấp 32.262,0m2 không thuộc thửa đất số 40 và thửa đất số 49 cùng tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/1000 xã KM, huyện ĐL; qua đối chiếu bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10.000: Diện tích đất tranh chấp 32.262m2 thuộc một phần thửa đất số 37, tờ BĐ 06 có tổng diện tích 1.275.311,0m2, mục đích sử dụng RST (đất trồng rừng sản xuất), quy chủ tên UBND xã, chưa được cấp GCNQSD đất cho tổ chức, cá nhân nào*". Từ kết quả xác minh trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn cho rằng: Bản án sơ thẩm đã xác định không đúng về loại đất, mục đích sử dụng đất từ đó đề nghị hủy án sơ thẩm do thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và có sự mâu thuẫn về thửa đất, loại đất, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Về vị trí, diện tích thửa đất tranh chấp:

Theo kết luận giám định ngày 19/10/2022 của Giám định viên Nông Trường Nam thể hiện: "Khu đất tranh chấp 32.262,0m^2 (trong đó có 32.195,0m^2 thuộc thửa số 40 và 67,0m^2 thuộc thửa số 49) tại thôn KB, xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn nằm trong lô đất số 370, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1995 xã KM, được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Dương Dì S, theo Quyết định số 283/QĐ-UB, ngày 02/8/1995 của UBND huyện ĐL, đồng thời thuộc vào diện tích của thửa đất số 602, tờ bản đồ hiện trạng rừng của xã KMnăm 2006 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE195380 cho ông Dương Chống C và bà Trương Thị H, ngày cấp 23/11/2006, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00145. Ngoài ra, không có tài

liệu bản đồ nào khác thể hiện vị trí của khu đất tranh chấp trên". Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, các đương sự đều thừa nhận kết quả xem xét thẩm định tại chỗ theo đúng biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và trích đo khu đất do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô, chi nhánh Lạng Sơn thực hiện ngày 19/01/2022 và xác định diện tích đất tranh chấp là 32.262,0m^2 có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh được thể hiện trên mảnh trích đo khu đất tranh chấp và thực tế các bên đương sự đều đang canh tác trên diện tích đất tranh chấp.

[4.2] Theo công văn số 751/CNVPĐKĐĐ ngày 15/12/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐL giải thích lý do thửa đất 37, diện tích 1.275.311,0m2 được xác định là đất do UBND huyện KM quản lý và không dùng để kê khai đăng ký cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình cá nhân được là do: *Thửa đất số 37 là thửa đất được đo đạc bao quát tổng thể, trong đó gồm có nhiều khu đất (thửa đất) của nhiều người sử dụng đất khác nhau (do thời điểm đo đạc người sử dụng đất không đến thực địa để được đo đạc xác định rõ ranh giới từng thửa đất). Đối với các khu đất (thửa đất) nằm trong thửa đất số 37 trên, nếu kiểm tra, xem xét đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận thì cần được đơn vị có chức năng đo đạc, cùng UBND xã KM, người sử dụng đất và các chủ sử dụng đất giáp ranh đến đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính…"*

[4.3] Tại công văn số 06/CV-CNST ngày 24/01/2024 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô, chi nhánh Lạng Sơn giải trình:

"- *Thửa đất số 49.1; 40.2 và 40.3 mà các bên tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 06 xã KM, tổng diện tích thửa đất này là 1275311m2 là chính xác.*

- Việc Công ty xác định các thửa đất đang tranh chấp là 49.1; 40.2 và 40.3 đây là các thửa tạm để phục vụ cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- Nguyên nhân có sự nhầm lẫn: Do sơ xuất trong quá trình biên tập mảnh trích đo Công ty căn cứ vào tờ bản đồ đã được số hóa lưu trữ tại Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Lạng Sơn mà chưa đối chiếu với bản đồ được lưu trữ tại UBND xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn dẫn đến có sự sai sót đối với các thửa nêu trên."

[4.4] Như vậy, các bên đương sự đều thống nhất về vị trí thửa đất, diện tích đất đang tranh chấp; thực tế các bên đương sự đều đang canh tác, sử dụng một phần trong thửa đất tranh chấp; việc nhầm lẫn về ký hiệu thửa đất đang tranh chấp đã được Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô, chi nhánh Lạng Sơn giải trình rõ ràng và theo kết quả giải trình thì không có mâu thuẫn với nội dung Công văn 48/UBND-ĐC ngày 14/4/2022 của UBND xã KM. Do đó, Hội đồng xét xử thấy mặc dù có những sai sót, việc xác minh chưa đầy đủ nhưng sau khi xét xử sơ thẩm đã được xác minh, làm rõ nên việc hủy bản án sơ thẩm theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là không cần thiết.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn là ông Dương Chống C đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Dương Chống H, giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00145 ngày 23/11/2006 của UBND huyện ĐL, Lạng Sơn, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp:

[5.1.1] Kết luận giám định ngày 19/10/2022 của Giám định viên Nông Trường Nam thể hiện: Khu đất tranh chấp 32.262,0m^2 (trong đó có 32195,0m^2 thuộc thửa số 40 và 67,0m^2 thuộc thửa số 49) tại thôn KB, xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn nằm trong lô đất số 370, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1995 xã KM, được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Dương Dì S, theo Quyết định số 283/QĐ-UB, ngày 02/8/1995 của UBND huyện ĐL, đồng thời thuộc vào diện tích của thửa đất số 602, tờ bản đồ hiện trạng rừng của xã KMnăm 2006 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE195380, cho ông Dương Chống C và bà Trương Thị H, ngày cấp 23/11/2006, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00145. Ngoài ra, không có tài liệu bản đồ nào khác thể hiện vị trí của khu đất tranh chấp trên. Qua đối chiếu xác định vị trí tranh chấp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô 602 cấp cho ông Dương Chống C, lô 603 cấp cho ông Dương Chống H thì thửa đất tranh chấp có một phần nằm trong thửa 602 và một phần nằm trong thửa 603. Kết luận giám định trên phù hợp với lời trình bày của ông Dương Chống C thể hiện: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Dương Dì S (bố của Dương Chống C) được Nhà nước giao Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ bìa xanh) năm 1995. UBND huyện ĐL chưa thu hồi sổ bìa xanh đã cấp cho ông Dương Dì S. Quá trình sử dụng, ông Dương Dì S chia đất cho 03 người con trong đó có ông Dương Chống C. Đến năm 2006, ông C đã được UBND huyện ĐL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được bố ông cho. Do chưa có điều kiện nên gia đình ông mới trồng được khoảng 2000 cây Thông, trồng trên diện tích bao nhiêu thì không biết và trồng từ thời điểm nào cũng không nhớ, chỉ biết là số cây Thông đó hiện nay đã trưởng thành và gia đình đã khai thác nhựa Thông được khoảng 7 năm nay. Từ khi ông Dương Dì Sđược cấp số bìa xanh và chia đất cho ông Dương Chống C thì ông đã quản lý, sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Đến đầu năm 2021 thì ông Dương Chống C mới phát hiện ông Dương Chống H đã trồng cây lên đất của ông nên ông Dương Chống C đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã KM xem xét, giải quyết thì hai bên xảy ra tranh chấp.

[5.1.2] Ủy ban nhân dân huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 602, tờ bản đồ lâm nghiệp năm 2006 cho ông Dương Chống C là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, để có căn cứ giải quyết vụ án đề nghị Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, kiểm tra việc sử dụng đất và các tài sản trên đất của các hộ gia đình có liên quan; đồng thời thẩm tra về nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất, ranh giới thửa đất của các hộ gia đình có tranh chấp để giải quyết vụ việc.

[5.1.3] Như vậy, có đủ căn cứ xác định một phần thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc rõ ràng, Nhà nước đã giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Dương Dì S và chưa có quyết định thu hồi. Sau khi được ông S cho, ông C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất. Thực tế bị đơn vẫn đang khai thác sử dụng trên thửa đất mặc dù chưa khai thác, sử dụng hết. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào việc nguyên đơn đã canh tác ổn định trên thửa đất này từ 2003 và bị đơn không ý kiến, tranh chấp gì, từ đó nhận định: Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất năm 2006 cho bị đơn, UBND huyện ĐL đã không xác minh làm rõ trên thửa đất có tài sản của người khác hay không và quyết định hủy một phần GCNQSD đất số AB 195380, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00145 do Ủy ban nhân dân huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Dương Chống C, bà Trương Thị H ngày 23/11/2006 thuộc thửa đất 602, tờ bản đồ hiện trạng rừng xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn, giao cho ông Hẻn quản lý sử dụng là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần này theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị hủy GCNQSD đất số AB 195380, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00145 do Ủy ban nhân dân huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Dương Chống C, bà Trương Thị H ngày 23/11/2006.

[6] Về xử lý tài sản trên đất tranh chấp: Ông Dương Chống C thừa nhận cây cối trồng trên thửa đất tranh chấp được xác định tại các đỉnh thửa A1, P1, P5, C4, C3, A12 và vị trí đỉnh thửa P2, A2, N, C7, C6, C5, P6 là do ông Dương Chống H trồng. Căn cứ văn bản số 58/NN ngày 05/8/2022 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn xác định hiện nay chưa có văn bản quy định cụ thể về việc di chuyển các loại cây trồng trên đất đi nơi khác trồng, cho nên không tính được tỷ lệ sống của các loại cây sau khi di chuyển, không tính được chi phí di chuyển cho các loài cây. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý không tách giá trị cây cối trên phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 603 của gia đình ông Hẻn mà chấp nhận thanh toán toàn bộ giá trị cây cối dựa trên kết quả định giá theo Biên bản định giá tài sản ngày 19/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản. Do đó, cần chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn. Ông Dương Chống C có trách nhiệm thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho ông Dương Chống H, cụ thể:

- Tài sản trên diện tích đất tranh chấp có vị trí đỉnh thửa M, N, A3, A5: Tổng giá trị 109.680.000 đồng

- Tài sản trên diện tích đất tranh chấp có vị trí đỉnh thửa A1, A2, N, M, A6, A7, A12 với tổng giá trị 169.980.000 đồng

- Tài sản trên diện tích đất tranh chấp có vị trí đỉnh thửa A7, A8, A11, A12: có tổng giá trị 10.200.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông C phải thanh toán cho ông Hẻn là 289.860.000 đồng.

[7] Đối với thửa đất tạm số 49.1 diện tích 67,0m^2 vị trí đỉnh thửa A3, A4, A5: Diện tích đất này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn, nhưng trong quá trình sử dụng đất nguyên đơn đã trồng cây thông vào diện tích đất trên, hiện nay các cây thông đã đến tuổi khai thác. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tạm giao cho nguyên đơn tiếp tục quản lý sử dụng là đúng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại quyết định nguyên đơn có nghĩa vụ thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất là không đúng thẩm quyền mà việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp cho ai đối với thửa tạm 49.1 thuộc thẩm quyền xem xét giải quyết của UBND huyện ĐL. Do đó, cần sửa phần quyết định này của Bản án sơ thẩm.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Dương Chống H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Xác nhận ông Dương Chống H đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

[9] Về án phí: Do ông Dương Chống H là người dân tộc thiểu số cư trú trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Kháng cáo của ông Dương Chống C được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Dương Chống C, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, sửa bản án sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

- Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 195380, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00145 do Ủy ban nhân dân huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Dương Chống C, bà Trương Thị H ngày 23/11/2006 thuộc thửa đất 602, tờ bản đồ hiện trạng rừng xã KM, huyện ĐL, tỉnh Lạng Sơn. Ông Dương Chống C tiếp tục được quản lý, sử dụng diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

- Ông Dương Chống C được quyền quản lý, khai thác tài sản là cây cối trên đất nhưng phải thanh toán cho ông Dương Chống H giá trị tài sản trên đất cụ thể như sau:

+ Tài sản trên diện tích đất tranh chấp có vị trí đỉnh thửa M, N, A3, A5: Tổng giá trị 109.680.000 đồng

+ Tài sản trên diện tích đất tranh chấp có vị trí đỉnh thửa A1, A2, N, M, A6, A7, A12 với tổng giá trị 169.980.000 đồng

+ Tài sản trên diện tích đất tranh chấp có vị trí đỉnh thửa A7, A8, A11, A12: có tổng giá trị 10.200.000 đồng.

Tổng số tiền ông Dương Chống C phải thanh toán cho ông Dương Chống H là 289.860.000 (Hai trăm tám chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng.

2. Tạm giao cho ông Dương Chống H, bà Triệu Thị Mquản lý, sử dụng diện tích 67,0m^2 đất rừng tự nhiên sản xuất có vị trí đỉnh thửa A3, A4, A5 (theo sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Dương Chống H phải chịu chi phí tố tụng là 25.457.000 (Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn) đồng. Xác nhận ông Dương Chống H đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

4. Về chi phí giám định: Ông Dương Chống H phải chịu 3.086.000 đồng (ba triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Xác nhận ông Dương Chống H đã nộp đủ số tiền chi phí giám định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Ông Dương Chống C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thảo